

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 2931 /QĐ-ĐHNN ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng)

TT	MSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Khoa	Đối tượng KII 2425	Mức miễn giảm	Mức HP tính miễn giảm HKII (24-25)	Số tiền được miễn giảm	Ghi chú
1.Danh sách sinh viên được miễn học phí: 56 sinh viên										
1	20041465	Ngô Thùy Trang	04/06/2002	QH.2021.F.1.E10.NN23	Anh	Khuyết tật	100%	7.500.000	7.500.000	
2	21040837	Nguyễn Thị Hồng Giang	14/02/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23	Anh	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
3	21041030	Trần Hà Linh	27/08/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
4	21040867	Đỗ Thị Huyền	01/01/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23	Anh	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
5	22040696	Vì Thị Linh Chi	16/11/2004	QH.2022.F.1. E14.KD-TM3	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
6	22040651	Nguyễn Thu Uyên	27/08/2004	QH.2022.F.1. E14.KD-TM4	Anh	Con bệnh binh	100%	7.500.000	7.500.000	
7	22040712	Nguyễn Thị Tố Uyên	24/01/2004	QH.2022.F.1. E15.KD-TM3	Anh	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
8	22040499	Đinh Hoàng Long	10/04/2004	QH.2022.F.1. E16.NN-VH3	Anh	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
9	22040616	Bùi Văn Vinh	30/01/2004	QH.2022.F.1.E10.BPD5	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
10	22040285	Lê Phương Uyên	02/05/2004	QH.2022.F.1.E11.BPD5	Anh	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
11	22040432	Nguyễn Hiền Mai	09/06/2004	QH.2022.F.1.E6.BPD4	Anh	Khuyết tật	100%	7.500.000	7.500.000	
12	22040509	Vũ Thị Thu Hà	19/08/2004	QH.2022.F.1.E8.BPD	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
13	22040660	Nguyễn Thị Kim Liên	05/04/2004	QH.2022.F.1.E9.BPD4	Anh	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
14	22040492	Lô Thị Quỳnh Chi	26/04/2004	QH.2022.F.1.E9.BPD4	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
15	23040689	Bùi Thu Thủy	22/03/2005	QH.2023.F.1.E18.NN3	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	

16	23040294	Phù Đức Chung	26/06/2004	QH.2023.F.1.E20.NN3	Anh	DTTS rất ít người- xã KVIII	100%	7.500.000	7.500.000	
17	23040526	Bùi Thị Thúy Ngân	28/01/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7500000	7.500.000	
18	23040664	Phan Thị Mai Thảo	19/12/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3	Anh	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
19	23040560	Bùi Dương Nhi	10/09/2005	QH.2023.F.1.E21.NN3	Anh	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
20	23040376	Lương Thị Hồng Hiệp	02/02/2005	QH.2023.F.1.E22.NN3	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
21	23040404	Nguyễn Thanh Huyền	01/01/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7500000	7.500.000	
22	23040511	Lục Trà My	15/08/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3	Anh	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
23	23041888	Nguyễn Thái Bảo	06/06/2005	QH.2023.F.1.VH1.NN4	Anh	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
24	23041925	Lô Văn Tý	21/02/2005	QH.2023.F.1.VH2.NN4	Anh	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
25	24041555	Lò Thị Minh Huyền	01/01/2005	QH.2024.F.1.G3.NN	Anh	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
26	23041234	Hứa Phạm Thùy Dương	11/12/2005	QH.2023.F.1.G4.NN	Đức	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
27	24041610	Nguyễn Phương Thúy	25/12/2006	QH.2024.F.1.G4.NN	Đức	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
28	21041562	Nguyễn Hoàng Diệu Anh	15/08/2003	QH.2021.F.1.K5.NN23	Hàn Quốc	Con người hoạt động KC nhiễm CĐHH	100%	7.500.000	7.500.000	
29	21041584	Nguyễn Việt Hà	25/09/2003	QH.2021.F.1.K6.NN23	Hàn Quốc	Con nuôi thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
30	21041652	Ứng Thị Thanh Hương	12/05/2003	QH.2021.F.1.K7.NN23	Hàn Quốc	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
31	21041588	Vũ Thị Hồng Hạnh	11/01/2003	QH.2021.F.1.K8.NN23	Hàn Quốc	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
32	22041609	Vũ Hồng Nhung	08/06/2004	QH.2022.F.1.K2.NN	Hàn Quốc	TE không có nguồn nuôi dưỡng	100%	7.500.000	7.500.000	
33	23041675	Vũ Quang Huỳnh	10/02/2005	QH.2023.F.1.K4.NN	Hàn Quốc	Con bệnh binh	100%	7.500.000	7.500.000	
34	23041831	Nguyễn Hoàng Diệu Vy	26/07/2005	QH.2023.F.1.K5.NN	Hàn Quốc	Con người hoạt động KC nhiễm CĐHH	100%	7.500.000	7.500.000	
35	23041782	Lữ Thị Thảo	12/04/2005	QH.2023.F.1.K5.NN	Hàn Quốc	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
36	23041621	Vi Thị Hương Diệu	09/03/2005	QH.2023.F.1.K9.NN	Hàn Quốc	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
37	24042178	Trần Quang Vinh	17/05/2006	QH.2024.F.1.K9.NN	Hàn Quốc	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
38	21041089	Hoàng Thị Giang	30/07/2003	QH.2021.F.1.R1.PD	Nga	Khuyết tật	100%	7.500.000	7.500.000	

39	20041485	Lê Huy Đạt	13/06/2002	QH.2021.F.1.R1.PD	Nga	Mồ côi	100%	7.500.000	7.500.000	
40	21041501	Đặng Thị Quỳnh Chi	13/04/2003	QH.2021.F.1.J5.NN23	Nhật Bản	Con người hưởng chính sách như TB	100%	7.500.000	7.500.000	
41	23041539	Đặng Đình Toàn	29/06/1996	QH.2023.F.1.J5.NN	Nhật Bản	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
42	24041804	Bùi Thị Thanh Ngân	09/02/2006	QH.2024.F.1.J7.NN	Nhật Bản	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
43	21041167	Nguyễn Thị Hoà	14/09/2003	QH.2021.F.1.F2.NN23	Pháp	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
44	21041175	Nguyễn Đình Ngọc Kiên	25/10/2003	QH.2021.F.1.F3.NN23	Pháp	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
45	24041043	Trần Nguyên Anh	29/10/2006	QH.2024.F.1.F5.NN	Pháp	Con người hoạt động KC nhiễm CĐHH	100%	7.500.000	7.500.000	
46	21040494	Phạm Trần Ngọc Linh	23/08/2003	QH.2021.F.1.C3.NN23	Trung Quốc	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
47	22041099	Nguyễn Thị Hà	21/02/2004	QH.2022.F.1.C7.KT4	Trung Quốc	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
48	22040016	Lò Phà Sinh	27/08/2004	QH.2022.F.1.C8.SP4	Trung Quốc	DTTS rất ít người-ĐBKK	100%	7.500.000	7.500.000	SV SP không thụ hưởng CS
49	23041034	Lê Thị Minh Huệ	15/10/2005	QH.2023.F.1.C2.NN	Trung Quốc	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
50	23041159	Hoàng Phương Thảo	23/10/2005	QH.2023.F.1.C2.NN	Trung Quốc	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
51	23041172	Trần Thị Thanh Thúy	04/03/2005	QH.2023.F.1.C3.NN	Trung Quốc	Con thương binh	100%	7.500.000	7.500.000	
52	23041132	Cử Y Phương	20/10/2005	QH.2023.F.1.C3.NN	Trung Quốc	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
53	23041099	Hứa Văn Minh	04/01/2005	QH.2023.F.1.C3.NN	Trung Quốc	Khuyết tật	100%	7.500.000	7.500.000	
54	23041061	Bùi Thị Lệ	14/09/2005	QH.2023.F.1.C4.NN	Trung Quốc	DTTS-Hộ nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
55	23041151	Hồ Thị Ngọc Tú	01/09/2005	QH.2023.F.1.C5.NN	Trung Quốc	DTTS-Cận nghèo	100%	7.500.000	7.500.000	
56	24041352	Vi Thùy Linh	17/04/2006	QH.2024.F.1.C11.NN4	Trung Quốc	TE không có nguồn nuôi dưỡng	100%	7.500.000	7.500.000	

2.Danh sách sinh viên được giảm 70% học phí: 74 sinh viên

1	24042221	Cà Viết Thông	06/07/2006	QH.2024.F.1.A1.NN	Ả Rập	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
2	21040973	Nguyễn Minh Tuấn	29/08/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23	Anh	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
3	21040807	Phản Thị Ngọc Ánh	08/11/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
4	21040856	Triệu Thị Hiền	23/12/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	

5	21040890	Nguyễn Thị Phương Linh	15/11/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
6	21040950	Vi Thị Thảo	14/02/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
7	21040956	Hoàng Minh Thương	26/04/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
8	21040992	Lương Tú Anh	13/02/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
9	21040913	Hà Thị Quỳnh Nga	27/07/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
10	21041751	Tạ Thị Uyên	08/05/2002	QH.2021.F.1.E13.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
11	21040862	Diệp Thị Huế	05/02/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
12	21040928	Bùi Bích Phương	29/01/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
13	21041069	Phạm Phương Trà	01/05/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
14	21040882	Lê Hoàng Linh	26/07/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
15	21040838	Nông Hương Giang	25/03/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
16	21040953	Nguyễn Thị Anh Thư	11/09/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
17	21040780	Hà Minh Anh	05/10/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
18	21040787	Lý Mai Anh	14/11/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
19	21040865	Lù Quang Huy	12/12/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
20	21040863	Hoàng Gia Huy	22/12/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
21	22040742	Bạc Cẩm Đức Toàn	15/11/2003	QH.2022.F.1. E15.KD-TM3	Anh	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
22	22040459	Nông Thị Thanh Đan	28/05/2004	QH.2022.F.1. E15.KD-TM3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
23	22040612	Bùi Thị Quế Giang	02/01/2004	QH.2022.F.1. E16.NN-VH3	Anh	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
24	22040610	Bùi Thị Hồng Nhung	21/02/2004	QH.2022.F.1. E16.NN-VH3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
25	22040494	Phan Thị Cẩm Nhung	06/04/2004	QH.2022.F.1. E16.NN-VH3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
26	22040576	Hùng Thị Phương Tiệp	24/09/2004	QH.2022.F.1. E16.NN-VH3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
27	22040735	Phạm Hoàng Anh	27/09/2003	QH.2022.F.1. E16.NN-VH3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	

28	22040455	Nguyễn Ngọc Linh	01/10/2004	QH.2022.F.1. E16.NN-VH4	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
29	22040699	Lô Thị Quỳnh Trang	08/03/2004	QH.2022.F.1.E.NN4BL	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
30	22040489	Lương Thị Vân Hà	16/06/2004	QH.2022.F.1.E10.BPD	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
31	21040874	Nguyễn Thu Hương	06/11/2003	QH.2022.F.1.E11.BPD	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
32	22040614	Quách Thị Kim Hoa	13/10/2004	QH.2022.F.1.E13.BPD	Anh	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
33	22040456	Nông Đào Khánh Điệp	25/08/2004	QH.2022.F.1.E15.KD-TM4	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
34	22040462	Bế Bảo Ninh	17/06/2004	QH.2022.F.1.E6.BPD4	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
35	22040477	Lê Quang Diệu	16/12/2004	QH.2022.F.1.E6.BPD5	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
36	22040697	Mạc Vũ Trà My	17/01/2004	QH.2022.F.1.E8.BPD	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
37	22040486	Lý Thu Hà	19/07/2004	QH.2022.F.1.E8.BPD4	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
38	23040443	Đặng Vi Linh	23/04/2005	QH.2023.F.1.E10.NN4	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
39	23040564	Hoàng Khương Nhi	22/04/2005	QH.2023.F.1.E16.NN3	Anh	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
40	23040639	Đào Anh Tuấn	13/09/2004	QH.2023.F.1.E16.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
41	23040759	Hà Thị Vy	27/06/2004	QH.2023.F.1.E16.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
42	23040575	Trần Yến Nhi	07/01/2005	QH.2023.F.1.E19.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
43	23040213	Hà Kỳ Anh	30/03/2005	QH.2023.F.1.E23.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
44	23040214	Hạng Thị Vân Anh	25/11/2005	QH.2023.F.1.E24.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
45	23040343	Hoàng Thu Hà	19/11/2005	QH.2023.F.1.E9.NN4	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
46	24040932	Trần Ánh Tuyết	05/06/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
47	24040745	Nguyễn Minh Nguyệt	18/09/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
48	24040818	Hoàng Văn Sự	27/09/2005	QH.2024.F.1.E28.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
49	24040873	Đinh Mỹ Thương	17/02/2005	QH.2024.F.1.E29.NN3	Anh	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
50	22041270	Văn Thị Thanh Huyền	23/11/2004	QH.2022.F.1.G3.PD2	Đức	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	

51	21041403	Nguyễn Thùy Hạnh	09/11/2003	QH.2022.F.1.G4.KT	Đức	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
52	23041257	Nguyễn Trung Kiên	26/10/2005	QH.2023.F.1.G1.NN	Đức	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
53	20041247	Lý Thị Yên	21/10/2002	QH.2021.F.1.K4.NN23	Hàn Quốc	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
54	21041661	Hà Thảo Linh	21/11/2003	QH.2021.F.1.K7.NN23	Hàn Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
55	21041694	Lục Thị Trang	18/12/2003	QH.2021.F.1.K8.NN23	Hàn Quốc	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
56	22041569	Nông Triệu Mai Sương	18/02/2004	QH.2022.F.1.K4.BPD	Hàn Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
57	23041795	Trịnh Thanh Thủy	06/05/2005	QH.2023.F.1.K6.NN	Hàn Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
58	23041786	Nguyễn Phương Thảo	06/04/2005	QH.2023.F.1.K8.NN	Hàn Quốc	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
59	22040782	Phùng Như Hoa	13/11/2004	QH.2022.F.1.R2.DL	Nga	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
60	20041002	Lã Hoàng Hà	07/08/2002	QH.2021.F.1.J8.NN23	Nhật Bản	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
61	22041366	Hoàng Thị Quỳnh Châm	16/06/2004	QH.2022.F.1.J5.BPD	Nhật Bản	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
62	24041130	Lê Phương Ngọc	27/10/2006	QH.2024.F.1.F3.NN	Pháp	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
63	24041055	Viên Ngọc Bảo Châu	21/10/2006	QH.2024.F.1.F5.NN	Pháp	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
64	21041339	Phạm Kiều Trinh	18/07/2003	QH.2021.F.1.C5.NN23	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
65	21041342	Nguyễn Hồng Yên	25/11/2003	QH.2021.F.1.C5.NN23	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
66	21041272	Trương Ngọc Lương	16/04/2003	QH.2021.F.1.C6.NN23	Trung Quốc	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	
67	21041274	Vì Thị Nam	16/08/2003	QH.2021.F.1.C7.NN23	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
68	22041039	Đinh Thị Thu Hằng	17/07/2004	QH.2022.F.1.C1.BPD	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
69	23040996	Lữ Ngọc Diệp	25/11/2005	QH.2023.F.1.C4.NN	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
70	23041131	Lương Thị Oanh	15/01/2005	QH.2023.F.1.C7.NN	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
71	23041002	Lục Thị Dung	27/06/2005	QH.2023.F.1.C8.NN	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
72	24041401	Nguyễn Thị Bích Ngọc	08/08/2006	QH.2024.F.1.C10.NN	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
73	24041442	Trần Ngọc Quỳnh	13/10/2006	QH.2024.F.1.C2.NN	Trung Quốc	DTTS-thôn, bản ĐBKK	70%	7.500.000	5.250.000	

74	24041490	Phan Hà Trang	10/02/2006	QH.2024.F.1.C8.NN	Trung Quốc	DTTS-xã KVIII	70%	7.500.000	5.250.000	
3.Danh sách sinh viên được giảm 50% học phí: 38 sinh viên										
1	21040994	Nguyễn Kiều Anh	04/03/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
2	21040832	Nguyễn Trung Đức	05/10/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
3	21041018	Lương Thị Thanh Hương	29/06/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
4	22040598	Phạm Thùy Dương	30/04/2004	QH.2022.F.1. E17.NN-VH4	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
5	22040369	Nguyễn Hoàng Anh	24/12/2004	QH.2022.F.1.E19.QTeH3	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
6	22040430	Trần Anh Thư	26/07/2004	QH.2022.F.1.E20.QTeH5	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
7	22040545	Nguyễn Hoàng Sơn	07/10/2004	QH.2022.F.1.E20.QTeH5	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
8	23040494	Bùi Ngọc Mai	19/01/2005	QH.2023.F.1.E12.NN4	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
9	23040310	Nguyễn Văn Duy	05/01/2005	QH.2023.F.1.E14.NN4	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
10	23040525	Bùi Lê Kim Ngân	12/02/2005	QH.2023.F.1.E4.NN5	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
11	24040761	Tô Lan Nhi	13/01/2006	QH.2024.F.1.E11.NN5	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
12	24040742	Nguyễn Đoàn Bình Nguyên	06/12/2006	QH.2024.F.1.E12.NN5	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
13	24040306	Tạ Việt Anh	01/09/2006	QH.2024.F.1.E19.NN4	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
14	24040399	Đoàn Tiến Đạt	20/12/2005	QH.2024.F.1.E22.NN4	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
15	24040585	Ngô Ngọc Linh	15/05/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
16	24040498	Mai Đỗ Quang Huy	22/12/2006	QH.2024.F.1.E23.NN4	Anh	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
17	24041536	Nguyễn Thị Thùy Dương	15/10/2006	QH.2024.F.1.G2.NN	Đức	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
18	21041695	Nguyễn Thị Hà Trang	22/05/2003	QH.2021.F.1.K5.NN23	Hàn Quốc	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
19	22041605	Nguyễn Thị Mai Phương	19/03/2004	QH.2022.F.1.K4.BPD	Hàn Quốc	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
20	22041713	Nguyễn Thảo Linh	11/01/2004	QH.2022.F.1.K8.BPD	Hàn Quốc	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
21	24042130	Bùi Thị Thanh	03/03/2006	QH.2024.F.1.K5.NN	Hàn Quốc	Con TNLD-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	

22	24042089	Trần Thị Ngân	30/08/2004	QH.2024.F.1.K6.NN	Hàn Quốc	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
23	21040429	Bùi Vũ Trà My	11/10/2003	QH.2021.F.1.J3.NN23	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
24	21040527	Trần Lại Thái Kiên	28/10/2003	QH.2021.F.1.J3.NN23	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
25	21041511	Đỗ Duy Hùng	30/08/2003	QH.2023.F.1.J3.NN	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
26	23041339	Đào Phương Anh	01/11/2005	QH.2023.F.1.J4.NN	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
27	23041496	Vô Trà My	29/08/2005	QH.2023.F.1.J4.NN	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
28	23041385	Nguyễn Thành Đạt	11/08/2005	QH.2023.F.1.J7.NN	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
29	24041679	Hà Thanh Dung	06/06/2006	QH.2024.F.1.J2.NN	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
30	24041836	Trương Hào Quang	18/09/2006	QH.2024.F.1.J6.NN	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
31	24041791	Trần Thị Ban Mai	16/10/2006	QH.2024.F.1.J9.NN	Nhật Bản	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
32	21041204	Trịnh Thảo Vy	14/04/2003	QH.2021.F.1.F1.NN23	Pháp	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
33	21041329	Nguyễn Thị Thu Phương	07/06/2003	QH.2021.F.1.C6.NN23	Trung Quốc	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
34	21040240	Trần Diệu Linh	16/05/2003	QH.2022.F.1.C2.BPD	Trung Quốc	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
35	23041057	Nguyễn Ngọc Lan	28/06/2005	QH.2023.F.1.C1.NN	Trung Quốc	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
36	24041456	Nguyễn Phương Thảo	05/06/2006	QH.2024.F.1.C1.NN	Trung Quốc	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
37	24041486	Nguyễn Linh Trang	27/07/2006	QH.2024.F.1.C10.NN	Trung Quốc	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
38	24041369	Trần Phương Mai	25/07/2006	QH.2024.F.1.C11.NN4	Trung Quốc	Con TNLĐ-BNN	50%	7.500.000	3.750.000	
TỔNG									951.000.000	

Danh sách này có 168 sinh viên (gồm: 56 SV miễn 100% học phí, 74 SV giảm 70% học phí, 38 SV giảm 50% học phí)